**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN S**
**TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2021/HNGĐ-ST
Ngày : 17/9/2021
*Về việc "Tranh chấp ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ký & Ông Nguyễn Thái Bình.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nay Y Sưa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Khắc Nghiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2021 về việc *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Quang M**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 54 Bùi Thị X, phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* **Đinh Thị Út L**, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn T, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Quang M trình bày như sau:*

Quan hệ hôn nhân: Tôi và chị L kết hôn năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bị đơn Đinh Thị Út L.

Con chung: Có 01 con chung Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 18/11/2019. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp không được chấp nhận thì tôi thống nhất để chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Tài sản: Khi chị L về nhà cha mẹ sống, tôi có đưa số tiền 300.000.000đ để phụ nuôi dưỡng con. Số tiền này thể hiện tình cảm và trách nhiệm của tôi đối với con chung. Do đó, tôi không có yêu cầu hay ý kiến gì về số tiền này.

Nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn Đinh Thị Út L trình bày như sau: Tôi thống nhất theo trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Tuy nhiên, tôi không đồng ý ly hôn với anh M vì tôi còn thương chồng, thương con. Anh M cho rằng vợ chồng đã sống ly thân với nhau nhưng thực tế sau khi sinh con tôi bị bệnh nên về nhà cha mẹ ruột dưỡng bệnh. Sau khi bệnh tạm ổn, tôi cùng con lên Đà Lạt sống cùng anh M. Do con thường xuyên bệnh đau, anh M đi làm không có thời gian chăm sóc tôi nên tôi cùng con về lại nhà cha mẹ đẻ. Mặt khác, con chung bị bệnh tim bẩm sinh cần có người thường xuyên chăm sóc, vợ chồng tôi không có mâu thuẫn, cãi vã gì cả, đôi lúc con bệnh đau quấy khóc nên vợ chồng có to tiếng. Việc anh M yêu cầu ly hôn với tôi, tôi không đồng ý và yêu cầu được đoàn tụ gia đình để chăm sóc, giáo dục con chung. Do tôi không thống nhất ly hôn nên các vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không đồng ý ly hôn.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Về con chung: Giao con chung cho bị đơn Đinh Thị Út L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền: Ngày 25/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên nhận được Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đối chiếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nơi cư trú của bị đơn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

[2] Sự vắng mặt của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng nguyên đơn không đến và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện S đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Ngày 05/4/2021 anh M cung cấp tài liệu: Đơn xin xác nhận (bản chính) có xác nhận của Tổ trưởng tổ 12, phường 2, thành phố Đ với nội dung trình bày của anh M trong đơn là sự thật; Đơn xin cam kết (bản chính) được UBND phường 2, thành phố Đ chứng thực. Nội dung đơn xin cam kết của anh M thể hiện: Anh và chị L tự nguyện kết hôn vào tháng 05/2019, đã có với nhau một con chung, chị L đã nhập hộ khẩu về sống chung với gia đình anh tại thành phố Đ. Trong cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cãi vã, chị L có lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm cha mẹ anh. Ngày 06/8/2020, chị L đưa còn về ở nhà cha mẹ thuộc thôn T, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên. Từ đó tôi và chị L sống ly thân với nhau. Tuy nhiên các văn bản này không được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung. Mặt khác, chị L trình bày giữa vợ chồng không có mâu thuẫn, chị về nhà cha mẹ sống để điều trị bệnh, chăm sóc con bị bệnh tim bẩm sinh hay quấy khóc do anh M thường xuyên đi làm. Mặc dù, giữa vợ chồng có cãi vã nhưng chị L không đồng ý ly hôn vì còn rất yêu thương chồng con và mong muốn được đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

[4] Với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của bị đơn cho thấy hôn nhân của anh M, chị L chưa lâm vào tình trạng trầm trọng đến mức đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Con chung, tài sản và nợ chung: Do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 54 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Quang M với bị đơn Đinh Thị Út L.

2. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên các vấn đề con chung, tài sản và nợ chung không xem xét.

3. Án phí: Buộc nguyên đơn Nguyễn Quang M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003357 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Tòa án tỉnh (01);
- VKSND huyện S (02);
- Chi cục THADS thành phố Đ (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**Bạch Văn Trinh**